TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - HƯNG YÊN** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2025/QĐST-DS	*Hưng Yên, ngày 22 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HƯNG YÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Cự và ông Nguyễn Hữu Hiển.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 22/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025;

Căn cứ khoản 5 Điều 26, các Điều 35, 39, 146, 147, 212, 213, 235 và 246 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 612, 613, 616, 618, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị Th**- Sinh năm 1951.

** Bị đơn:* Chị **Trần Thị Ng** - Sinh năm 1975.

Đều trú tại địa chỉ: Thôn Tào Xá, xã Bắc Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Trần Minh T**- Sinh năm 1973.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Trần Minh Tuấn: Anh **Trần Công M** - Sinh năm 1996.

Đều trú tại địa chỉ: Thôn Tào Xá, xã Bắc Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên.

2. Chị **Trần Thị Th** - Sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn Đông, xã Bắc Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Trần Thị Thủy: Chị **Trần Thị Ng** - sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn Tào Xá, xã Bắc Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên.

3. Bà **Đặng Thị Th** - Sinh năm 1956.

4. Bà **Đặng Thị Nh** - Sinh năm 1949.

Đều trú tại địa chỉ: Thôn Tào Xá, xã Bắc Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đặng Thị Thân, bà Đặng Thị Nhớn: Bà **Đỗ Thị Diệu** - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Đặng Thị Th là vợ của ông Trần Minh K, ông K chết ngày 10/9/2020. Bà Th và ông K có 03 người con chung là anh Trần Minh T, chị Trần Thị Th, chị Trần Thị Ng. Bà Th, ông K không có con riêng, con nuôi, bố mẹ ông K đều chết trước ông K. Ông K chết không để lại di chúc, không để lại bất cứ nghĩa vụ tài sản nào mà những người thừa kế phải thực hiện. Bà Đặng Thị Th, bà Đặng Thị Nh, bà Đặng Thị Th là 03 chị em ruột.

2.2 Xác định thửa đất 421 tờ bản đồ 50 ở thôn Tào Xá, xã Bắc Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên diện tích 208,8m^2, trong đó có 200m^2 đất ở và 8,8m^2 đất cây lâu năm không phải bà Đặng Thị Th, ông Trần Minh K cho bà Đặng Thị Th và bà Đặng Thị Nh (em gái bà Th) mượn mà có căn cứ xác định ông K, bà Th đã bán thửa đất 421 tờ bản đồ 50 diện tích 208,8m^2 cho Họ giáo Tào Xá để Họ giáo Tào Xá mua tặng thửa đất 421 cho bà Th và bà Nh (vì bà Th, bà Nh thuộc hộ gia đình neo đơn, không có chồng, không có con). Do đó, thửa đất 421 thuộc quyền quản lý sử dụng của bà Đặng Thị Th và bà Đặng Thị Nh, không phải tài sản của bà Th, ông K. Vị trí thửa đất đất 421 tờ bản đồ 50 giao cho bà Đặng Thị Th và bà Đặng Thị Nh được xác định bởi các điểm 1, 21, 20, 19, 3, 2,1.

2.3. Về di sản thừa kế của ông Trần Minh K để lại gồm:

* Về đất ở: ½ diện tích đất ở thuộc thửa 422 tờ bản đồ 50 thuộc thôn Tào Xá, xã Bắc Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên diện tích là 200m^2 : 2 người = 100m^2/người trị giá 100m^2 x 60.000 đồng/m^2 = 60.000.000 đồng.

* Về ruộng: Hộ gia đình ông Trần Minh K có 03 khẩu được chia ruộng gồm ông K, bà Th, chị Ng. Như vậy, tiêu chuẩn ruộng của ông K là 1/3 tổng diện tích ruộng được quy đổi vào đất vườn, đất ao trong thổ và diện tích ruộng ở ngoài đồng chuyển đổi thành đất vườn và đất ao, diện tích ruộng cấy lúa nước ở ngoài đồng của hộ gia đình ông K. Cụ thể:

+ Thửa đất 422 có diện tích 584,7m^2 đất trồng cây lâu năm nên quy đổi từ ruộng của ông Kính là 584,7 m^2 : 3 người = 194,9m^2/người, trị giá 194,9m^2 x 54.000 đồng/m^2 = 10.524.600 đồng.

+ Thửa đất 423 có diện tích 463,9m^2 loại đất NTS (đất ao) nên quy đổi ruộng của ông Kính là 463,9m^2 : 3 người = 154,63m^2/người, trị giá 154,63m^2 x 50.000 đồng/m^2 = 7.731.500 đồng.

+ Thửa đất 424 và thửa đất 425 là đất ruộng chuyển đổi thành ao và vườn có tổng diện tích cơ bản được giao là 1.383m^2 nên diện tích ruộng hai thửa đất 424 và 425 được chuyển đổi ruộng của ông Kính là 1.383m^2 : 3 người = 461m^2/người trị giá 461m^2 x 50.000 đồng/m^2 = 23.050.000 đồng.

+ Diện tích ruộng cấy lúa nước của ông K được giao ở xứ đồng Báng Súng và Đồng Gạch có diện tích là (105m^2 + 169m^2) : 3 người = 91,3m^2/người trị giá 91,3m^2 x 50.000đồng/m^2 = 4.566.667 đồng.

Tổng trị giá di sản ông Trần Minh K để lại trong các thửa đất 422, 423, 424, 425 và các xứ đồng Báng Súng + Đồng Gạch là **105.872.726 đồng.**

3. Các đương sự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế:

3.1. Bà Đặng Thị Th cho di sản thừa kế bà được hưởng từ ông Trần Minh K diện tích 25m^2 đất ở tại thửa đất 422 trị giá 15.000.000 đồng cho anh Đặng Minh T.

3.2. Các loại đất được quy đổi ruộng ở ngoài đồng vào trong thửa đất 422 diện tích 48,725m^2 trị giá 2.631.150 đồng, thửa đất 423 diện tích 38,658m^2 trị giá 1.932.917 đồng, diện tích ruộng chuyển đổi trong hai thửa đất 424 + thửa đất 425 diện tích 115,25m^2 trị giá 5.762.000 đồng và diện tích ruộng cấy lúa nước ở xứ đồng Báng Súng + Đồng Gạch là 22,825m^2 trị giá 1.141.250 đồng. Sau khi trừ phần di sản bà được hưởng từ ông K đã cho anh Tuấn, diện tích đất còn lại bà Th được hưởng di sản của ông Kính và diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà Thìn, bà đề nghị chia chung cùng với chị Đặng Thị Ng.

3.3. Anh Trần Minh T được quyền sử dụng 50m^2 đất ở tại thửa đất 422 tờ bản đồ 50 (là thửa đất 422/2). Ranh giới diện tích đất ở anh T được quyền sử dụng xác định bởi đường nối các điểm 6, 6', 14'', 14, có trị giá là 30.000.000 đồng. Đồng thời anh T được quyền sử dụng thửa đất 423 tờ bản đồ 50 ở thôn Tào Xá, xã Bắc Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên, diện tích là 463,9m^2 loại đất NTS (đất ao) trị giá 23.195.000 đồng (trong đó bà Th và chị Ng mỗi người có 154,63m^2 đất ao quy đổi ruộng). Tổng trị giá di sản anh T được hưởng là 53.195.000 đồng.

3.4. Bà Đặng Thị Th và chị Trần Thị Ng được quyền sử dụng diện tích đất còn lại của thửa đất 422 tờ bản đồ số 50 tại thôn Tào Xá, xã Bắc Đông Hưng, tỉnh

Hưng Yên (là thửa đất 422/1) diện tích 374,7m^2 trong đó có 150m^2 đất ở và 274,7m^2 đất trồng cây lâu năm (trong đó có 100m^2 đất ở và 194,9m^2 đất trồng cây lâu năm quy đổi ruộng của bà Th, còn lại là di sản của ông K chia cho bà Th, chị Ng). Ranh giới diện tích đất bà Th, chị Ng được quyền sử dụng xác định bởi đường nối các điểm 6, 6', 14'', 14.

3.5. Bà Đặng Thị Th và chị Trần Thị Ng được quyền sử dụng diện tích trồng cây lâu năm phía nam thửa đất 422 (là thửa đất 422/3) tờ bản đồ số 50 tại thôn Tào Xá, xã Bắc Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên diện tích 360m^2 (trong đó có 194,9m^2 quy đổi ruộng của chị Ng, còn lại là di sản của ông K chia cho bà Th, chị Ng). Ranh giới diện tích đất chị Ng, bà Th được quyền sử dụng xác định bởi đường nối các điểm 6', 14'', 14, 13, 12, 11, 10, 9, 8, 7, 6'.

3.6. Bà Đặng Thị Th và chị Trần Thị Ng được quyền sử dụng diện tích 1.383m^2 đất ruộng chuyển đổi thành ao và vườn cùng 73m^2 ruộng khoán thầu (trong đó bà Th, chị Ng mỗi người có 461m^2 đất ruộng chuyển đổi thành ao và vườn, còn lại là di sản của ông K chia cho bà Th, chị Ng) thuộc thửa đất 424 và 425 tờ bản đồ số 50 tại thôn Tào Xá, xã Bắc Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên.

3.7. Bà Đặng Thị Th và chị Trần Thị Ng được quyền sử dụng diện tích đất ruộng được giao tại xứ đồng Báng Súng là 105m^2 và xứ đồng Gạch là 169m^2 (trong đó bà Th, chị Ng mỗi người có 35m^2 ở xứ đồng Báng Súng và 56m^2 ruộng ở xứ đồng Gạch, còn lại là di sản của ông Kính chia cho bà Th, chị Ng).

(Vị trí các thửa đất giao cho anh Trần Văn T, bà Đặng Thị Th và chị Trần Thị Ng có sơ đồ kèm theo quyết định)

3.8. Chấp nhận việc bà Đặng Thị Th và chị Trần Thị Ng không yêu cầu anh Trần Văn T thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà Th và chị Ng.

3.9. Chị Trần Thị Ng thanh toán chênh lệch phần di sản thừa kế được hưởng từ ông Kính cho chị Trần Thị Th số tiền 26.468.161 đồng.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đặng Thị Th. Anh Trần Văn T phải chịu 2.670.000 đồng, chị Trần Thị Ng, chị Trần Thị Thủy mỗi người phải 1.335.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên trị giá tài sản được chia.

5. Về chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu 22.000.000 đồng chi phí tố tụng. Bà Đặng Thị Th đã nộp tạm ứng số tiền 22.000.000 đồng, anh Tuấn Văn T phải hoàn trả cho bà Th11.000.000 đồng, chị Trần Thị Ng và chị Trần Thị Th mỗi người phải hoàn trả cho bà Th 5.500.000 đồng.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

7. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành án, thì phải chịu lãi suất cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền, thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

8. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**** Nơi nhận:***	**THẨM PHÁN**
- TAND-VKSND tỉnh Hưng Yên;	
- VKSND khu vực 7 - Hưng Yên;	***Đã ký***
- Các đương sự;	
- Lưu hồ sơ;	
- Lưu HCTP.	**Hà Thị Nhung**